
NGUYỄN THANH CẨM

**GIẢI PHÁP HỖ TRỢ TIẾP CẬN TRỢ GIÚP XÃ HỘI
CƠ BẢN CHO LAO ĐỘNG NỮ DI CƯ
(NGHIÊN CỨU TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI)**

Chuyên ngành: Công tác xã hội

Mã số: 9760101.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn

Phản biện:

Phản biện:

Phản biện:

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng cấp
chánh luận án tiến sĩ họp tại.....

Vào hồi.....giờ....., ngày.....tháng....

Có thể tìm hiểu luận án tại :

Thư viện Quốc gia Việt Nam

Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc

giữa các vùng miền, lãnh thổ. Nó được coi là một quy luật tự nhiên của xã hội ngoài cộng đồng cũng ít khi xảy ra (Ngô Trung Thúy Hằng 2018). Trong báo cáo nghiên cứu quan, tác động lớn tới người dân, các gia đình và khả năng phát triển của "Chiến lược LENDC" năm 2018 của Cục bảo trợ xã hội có mỗi địa phương, quốc gia. Theo Arpita Chatto Padhyay (2011), đối với các nước đang phát triển (gồm cả Việt Nam) quá trình di cư, di dân luôn gắn liền với tìm kiếm cơ hội việc làm, người di cư luôn muốn đến những nơi có điều kiện kinh tế phát triển và nhiều việc làm.

Cách đây 3 thập kỷ xu hướng gia tăng di cư ở Việt Nam đã được dự đoán. Có rất nhiều lý do có thể dẫn tới sự gia tăng này, trong đó phải kể đến việc giảm thiểu hệ thống hợp tác xã, việc chuyển đổi nền kinh tế từ tập trung bao cấp sang kinh tế thị trường, việc dỡ bỏ các quy định hạn chế sự phát triển của khu vực tư nhân, sự phát triển của giao thông vận tải (Đặng Nguyên Anh và cộng sự, 1997). Cụ thể, từ năm 1986, dưới tác động của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa đất nước, di dân tự do có xu hướng gia tăng mạnh mẽ nhất là ở các đô thị lớn như Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh, vùng Đông Nam Bộ... vì đây là nơi tập trung nhiều nhà máy, khu công nghiệp và ngành dịch vụ, tập trung nhiều cơ hội việc làm..

Hiện đã có một số chính sách của Nhà nước các đô thị lớn như Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh, vùng Đông Nam Bộ... vì đây là nơi tập trung nhiều nhà máy, khu công nghiệp và ngành dịch vụ, tập trung nhiều cơ hội việc làm..

Theo số liệu năm 2019 của Tổng cục thống kê, cả nước có 6,4 triệu người từ 5 tuổi trở lên là người di cư, chiếm 7,3% tổng dân số. Trong đó, phổ biến nhất vẫn là hình thức di cư từ nông thôn lên thành thị để kiếm công việc, học tập hoặc cơ hội phát triển. Mặc dù có xu hướng giảm so với giai đoạn 1999-2009, LENDC vẫn chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số người di cư với 55,5% (Tổng cục Thống kê, 2019). Đáng chú ý, LENDC là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, phải đối mặt với nhiều rủi ro, thách thức hơn trong cuộc sống.

Đa số lao động nữ nông thôn lên thành phố tìm việc đều có phải đối mặt với nhiều khó khăn trong việc đảm b

khác) là miền đất hứa của nhiều người về môi trường giáo dục và đLĐNDC tiếp cận các trợ giúp xã hội trở thành giải tạo, với điều kiện y tế và chăm sóc sức khỏe tốt, đời sống văn hđể hỗ trợ, thúc đẩy hòa nhập xã hội của nhóm đặc tinh thần phong phú, đa dạng các phương tiện thông tin đại chúng sẽ tập trung nghiên cứu LĐNDC từ các địa phương dịch vụ tiện ích khác... Nhiều người di cư đến đây để học tập, làm việc tại huyện Đông Anh, với đặc thù của một việc, mưu cầu một cuộc sống tốt đẹp hơn, sau đó lại kéo theo ғыen đô của thành phố, nơi tập trung nhiều khu cđi đình, người thân nhập cư để đoàn tụ. Là trung tâm chính trị - kinh tế xuất hay là khu vực làm việc chính thức, do văn hóa lớn của cả nước, với những lợi thế về điều kiện tự nhiên huyện Đông Anh thường vào làm công nhân tro kinh tế xã hội, Hà Nội thực sự đã trở thành lực hút của dòng di đnghiệp, khu chế xuất. Địa bàn thứ 2 của Hà Nội c ngoại tỉnh. Tính đến 1/4/2019, dân số Hà Nội là 8,053 triệu người là quận Hoàng Mai, một quận nội đô với nhiều tăng thêm 1,6 triệu người so với năm 2009. Với tốc độ tăng trulà điểm đến của nhiều LĐNDC làm các nghề tự đc bình 2,2%/năm thì đến năm 2030 dân số Hà Nội ước tính sẽ khoảng làm việc. Hai địa bàn là nơi thu hút nhiều LĐNDC c hơn 9,7 triệu người (gần bằng dân số dự báo đến năm 2050), vuhình công việc cơ bản của LĐNDC: Làm việc tự quá xa so với dự kiến. Với tốc độ tăng dân số như vậy, lại là điểvực phi chính thức và làm việc trong các khu vực cđi đến của nhiều người di cư, trong đó có LĐNDC, thủ đô bên cạkhu công nghiệp, khu chế xuất.

được thụ hưởng từ những đóng góp to lớn của lực lượng người di cư Xuất phát từ yêu cầu đảm bảo quyền và ph mang lại, thành phố đang phải chịu áp lực lớn trong việc cung ứtrong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, Luận án các dịch vụ công, các dịch vụ xã hội cơ bản như giáo dục, y tế, vấu, phân tích thực trạng đời sống, các nhu cầu vđ chơi, giải trí... Với làn sóng di cư lớn trong khi các hạ tầng kinh tiế giúp xã hội dành cho LĐNDC tại Hà Nội. Từ thực xã hội không theo kịp, khó khăn trong tiếp cận các dịch vụ xã hội củacác giải pháp dưới góc độ công tác xã hội nhằm những LĐNDC có thể gia tăng. hiệu quả tiếp cận trợ giúp xã hội dành cho nhóm L

Hà Nội có 30 đơn vị hành chính cấp quận và huyện. Đâyđảm bảo an sinh xã hội toàn dân, toàn diện cũng nh đô thị lớn, đặc biệt của đất nước. Với tốc độ đô thị hóa nhanh, LĐĐđạt triển, thúc đẩy bình đẳng giới cho LĐNDC.

và LĐNDC trở thành một đặc điểm nổi bật trong lực lượng lao động và dân cư sinh sống tại Hà Nội. Tuy nhiên, với chi cuộc sống đắt đỏ, giá nhà cao so với thu nhập người dân và các áp lực đối với hệ thốngNghiên cứu sẽ góp phần phân tích và làm rõ khả giáo dục, y tế thì đời sống của LĐNDC và gia đình họ cần nhận đượcthuyết, khung phân tích vào phân tích, đánh giá h sự quan tâm đặc biệt để có thể hòa nhập với cuộc sống tại thủ đô. Sắ chính sách trợ giúp xã hội đối với nhóm LĐNDC

2. Ý nghĩa của nghiên cứu

2.1. Ý nghĩa về mặt lý luận

LĐNDC như một hiện tượng xã hội tất yếu.

Những rào cản, vấn đề khó khăn, những nhu cầu của nhóm LĐNDC trong tiếp cận trợ giúp xã hội được mô tả, phân tích trong Luận án sẽ cung cấp tài liệu tham khảo phong phú cho chủ đề nghiên cứu về di cư, LĐNDC, trợ giúp xã hội cơ bản dành cho LĐNDC, phát triển chính sách xã hội. Ngoài ra, nghiên cứu cũng góp phần bổ sung những kiến thức thực tiễn phục vụ cho nghiên cứu, thực hành cung cấp các trợ giúp xã hội, thực hành công tác xã hội đối với nhóm LĐNDC.

2.2. Ý nghĩa thực tiễn

Thông qua nghiên cứu các bên liên quan, tác giả chỉ ra những điểm chung về điều kiện sống, đặc điểm tâm lý cho tới những khó khăn, rào cản và nhu cầu của các LĐNDC ở Hà Nội; khoảng cách và những khác biệt trong nhận thức về di cư, qua đó, đề xuất các giải pháp nâng cao tiếp cận trợ giúp xã hội cơ bản bao gồm cả thay đổi nhận thức về di cư, coi di cư như một hiện tượng xã hội tất yếu với đầy đủ các mặt tích cực và tiêu cực, từ đó có các chính sách tiếp cận phù hợp, thân thiện, đảm bảo quyền của người di cư nói chung và LĐNDC nói riêng.

Thông qua việc phân tích, đánh giá thực trạng thực hiện trợ giúp xã hội dành cho nhóm LĐNDC tại thành phố Hà Nội dưới lăng kính đối chiếu với quy định pháp luật, so sánh với nhu cầu sẽ góp phần điều chỉnh và phát triển mới các chính sách, dịch vụ hỗ trợ LĐNDC trong thực tế. Đó là cách tiếp cận từ dưới lên của CTXH trong đảm bảo quyền của các nhóm xã hội khác nhau.

Nghiên cứu đánh giá hiệu quả tiếp cận trợ giúp xã hội đã được thực hiện đối với nhóm LĐNDC. Từ đó, tác giả chỉ ra những rào cản

xây dựng và thực hiện các trợ giúp xã hội hiệu

ĐNDC tại Hà Nội, góp phần đảm bảo an sinh xã hội và thúc đẩy sự phát triển kinh tế- xã hội của Hà Nội

3. Đối tượng, khách thể, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Giải pháp hỗ trợ tiếp cận trợ giúp xã hội cơ bản dành cho LĐNDC tại thành phố Hà Nội

3.2 Khách thể nghiên cứu

- LĐNDC từ các địa phương tới làm việc tại vùng thành thị (quận Hoàng Mai) và vùng nông thôn (huyện Đông Anh của thành phố Hà Nội)

- Cán bộ chính quyền, hội phụ nữ các cấp tại th

- Các tổ chức phi chính phủ hỗ trợ người di cư

- Cán bộ chính quyền, hội phụ nữ các cấp tại th

- Các tổ chức phi chính phủ hỗ trợ người di cư

- Cán bộ chính quyền, hội phụ nữ các cấp tại th

3.3 Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi thời gian: Từ tháng 1/2022 đến th

- Phạm vi về không gian: Quận Hoàng Mã

Anh của thành phố Hà Nội.

- Giới hạn nội dung: Nghiên cứu tập trung và

ng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả tiếp cận

góp phần như giáo dục, đào tạo nghề, nhà ở, nước sạch và

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

4.1 Mục đích nghiên cứu

Luận án hướng đến phân tích thực trạng đời sống, ki

h và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả tiếp cận

h và khả năng đáp ứng của các trợ giúp xã hội cơ bản h

Để đạt được các mục đích nghiên cứu, Luận án có các nhiệm vụ sau:

- Tổng hợp những vấn đề lý luận và pháp lý cơ bản về thực hiện chính sách, dịch vụ trợ giúp xã hội đối với LĐNDC.
- Nghiên cứu phân tích, đánh giá thực trạng thực hiện trợ giúp xã hội đối với nhóm LĐNDC tại thành phố Hà Nội.
- Đề xuất các giải pháp và kiến nghị chính sách để đảm bảo thực hiện tốt trợ giúp xã hội cơ bản đối với LĐNDC tại thành phố Hà Nội.

5. Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi thứ nhất: Thực trạng tiếp cận các trợ giúp xã hội cơ bản của LĐNDC tại thành phố Hà Nội hiện nay như thế nào?

Câu hỏi thứ hai: Hạn chế và rào cản tiếp cận trợ giúp xã hội bản hiện nay của LĐNDC tại thành phố Hà Nội là gì?

Câu hỏi thứ 3: Có sự khác biệt lớn nào giữa hai nhóm LĐNDC làm việc tại khu vực chính thức và phi chính thức?

Câu hỏi thứ 4: Các giải pháp nâng cao hiệu quả tiếp cận trợ giúp xã hội cơ bản đối với LĐNDC tại thành phố Hà Nội là gì?

6. Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết nghiên cứu 1: Tiếp cận các trợ giúp xã hội cơ bản của LĐNDC còn gặp nhiều hạn chế.

Giả thuyết nghiên cứu 2: Trong số nhiều rào cản thì thái độ hai nhánh lớn nhất là di cư quốc tế (từ quốc gia và nhận thức của một số cán bộ chính quyền, đoàn thể đối với người di cư) và di cư nội địa (trong nội bộ một quốc gia di cư tạo ra rào cản tiếp cận trợ giúp xã hội đối với LĐNDC tại Hà Nội).

Giả thuyết nghiên cứu 3: LĐNDC làm việc trong khu vực chính thức sẽ chịu nhiều rào cản hơn trong tiếp cận các trợ giúp xã hội cơ bản.

Giả thuyết nghiên cứu 4: Công tác xã hội có vai trò quan trọng trong việc tiếp cận các trợ giúp xã hội cơ bản của LĐNDC.

Chương 4. Hạn chế và rào cản lao động ni

cận trợ giúp xã hội

Chương 5: Các giải pháp nâng cao hiệu quả

xã hội cơ bản đối với LĐNDC tại Hà Nội

NỘI DUNG CHÍNH

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

Di cư là một vấn đề mang tính toàn cầu và thu

hấp dẫn của nhiều ngành khoa học như Lịch sử, Địa lý nhân văn, Kinh tế học, Xã hội học... Với tư cách là hiện tượng đi cùng sự phát triển của xã hội, di cư cũng có những sự biến đổi không ngừng từ thời kỳ lịch sử hay từng vùng lãnh thổ (Nguyễn Văn Ngọc, 2010).

Trong những thập kỷ gần đây, di cư đã trở thành một hiện tượng phổ biến trên toàn thế giới. Theo Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), hiện có khoảng 1,2 tỷ người di cư trong đó có 100 triệu người di cư quốc tế (ILO, 2019).

Điểm chung của nhiều tổ chức, học giả trong nghiên cứu về di cư là tập trung vào nguyên nhân/động lực của di cư, các hệ quả xã hội, kinh tế, văn hóa của di cư, các chính sách quản lý di cư.

Chương trình trợ giúp người dân di cư. Trong các chủ đề nghiên cứu về di cư, giới và lao động nữ di cư cũng được mô tả, khắc họa một cách sinh động.

Nhiều cách tiếp cận khác nhau.

1.1. Nguyên nhân/động lực của di cư

Có thể chia di cư thành nhiều loại hình nhỏ

như: di cư quốc tế (từ quốc gia này sang quốc gia khác) và di cư nội địa (trong nội bộ một quốc gia).

Hàng năm, có 281 triệu người di cư quốc tế, chiếm 3,6% dân số thế giới. Đây là mức tăng đáng kể so với năm 2000.

Nếu tính cả di cư nội địa, khoảng 1/7 tổng dân số thế giới đã từng di cư ít nhất một lần trong đời (Tổ chức Di cư Quốc tế, 2022).

Có nhiều yếu tố tác động đến di cư, hay còn gọi là các động lực thúc đẩy di cư. Theo IOM (2020) và nhiều nghiên cứu khác chỉ ra, phần lớn người di cư là nam giới, có trình độ học vấn thấp, thu nhập thấp, sống ở khu vực nông thôn, có gia đình đông con, ít tài sản, ít tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

1.2. Các tác động kinh tế, xã hội của di cư

Do tác động rộng lớn với nhiều bên khác nhau, hướng nghiên cứu hiện nay tập trung vào những rủi ro, thiệt hại mà người di cư về tác động của di cư đối với các nơi xuất cư và nơi nhập cư. Tại nơi đến và thậm chí cả ở quê hương sau thời gian cũng được nhiều tổ chức quốc tế, các nhà nghiên cứu chú ý. Đối với việc thực hiện các trợ giúp xã hội, nâng cao đời sống di cư quốc tế, tác động với quốc gia xuất cư và quốc gia nhập cư, đặc biệt trợ giúp xã hội để đảm bảo an sinh xã hội cho người khác nhau ở nhiều cấp độ nhưng cũng chia sẻ nhiều vấn đề với di cư chính sách và hành động có tính toàn cầu. Việc thực hiện nội địa, đặc biệt là di cư từ nông thôn ra đô thị, cũng cần có vai trò của nhà nước, còn có vai trò của xã hội.

Các nghiên cứu đều khẳng định tác động tích cực ở cấp độ quốc gia khác nhau như các đoàn thể, tổ chức phi chính phủ. Ở cấp độ mô của di cư khi là động lực phát triển kinh tế, tăng năng suất lao động xã hội xung quanh người di cư đóng vai trò động ở cả nơi nhập cư và xuất cư. Đối với nơi xuất cư, lượng tiền gửi về quê gia đình và các trợ giúp cụ thể đối với người về quê góp phần cải thiện chất lượng y tế, giáo dục, dịch vụ. Tuy nhiên nghiên cứu tiếp cận trợ giúp xã hội toàn diện từ góc độ nhân văn, di cư cũng gây ra một số vấn đề tiêu cực cần nhận biết, quản lý hỗ trợ đến các chủ thể của hỗ trợ là đóng góp lý như sức ép hạ tầng và bất ổn xã hội tại nơi nhập cư, các vấn đề tâm lý. Thêm vào đó, nghiên cứu cũng chỉ ra vai trò của gia đình, xã hội của trẻ em ở lại nơi xuất cư. Những điều này cũng khẳng định xã hội có tác động đến tiếp cận trợ giúp xã hội của người di cư hưởng đến tâm lý, xã hội hay các đặc thù kinh tế của nhóm người di cư để đảm bảo an sinh xã hội cho họ.

Như vậy, với tác động tích cực của di cư, thay vì ngăn cản di cư, cần quản lý theo hướng nâng cao chất lượng hỗ trợ di cư.

1.2. Vấn đề giới trong di cư
Nữ hóa di cư/feminization of migration đã được nghiên cứu nhiều. Bên cạnh hỗ trợ người di cư tại nơi cư trú mới, còn cần phát triển các dịch vụ xã hội, thậm chí trong thuật ngữ liên quan đến di cư cho người quan trọng để người di cư có thể đem theo gia đình, con cái để tránh các vấn đề. Một thực tế diễn ra là số lượng lao động nữ trong các hệ quả tiêu cực hiện có. Đồng thời, chính quyền địa phương (chiếm tổng số 49% những người di cư) không gia tăng đầu tư xuất cư cần phát triển các hoạt động hỗ trợ cho các thành viên của gia đình lao động nữ di cư thì tăng lên. Phụ nữ ngày nay có vai trò quan trọng trong gia đình người di cư như người cao tuổi, trẻ em khi họ cần trợ giúp trong gia đình và họ tham gia vào đời sống hàng ngày. Điều này dẫn đến những hình thức di cư không công bằng, phụ nữ chịu nhiều thiệt thòi trong trường lao động. Điều này dẫn đến những hình thức di cư không công bằng, phụ nữ chịu nhiều thiệt thòi trong trường lao động.

1.3. Hòa nhập và trợ giúp xã hội đối với người di cư

Một thực tế đặt ra là trong tổng thể, di cư đem đến lợi ích cho gia đình, di cư liên quan đến nhiều vấn đề về kinh tế, xã hội đối với cả nơi xuất cư và nhập cư, đối với ngành công nghiệp tình dục, di cư vì mục đích kết hôn, di cư quốc tế hay di cư nội địa. Tuy nhiên, có nhiều vấn đề liên quan mà không được kiểm soát tốt, phụ nữ có xu hướng bị bỏ

Nhìn chung, các nghiên cứu về di cư nói chung và lao động Nghiên cứu tiến hành 02 thảo luận nhóm là nữ di cư nói riêng đa dạng, nhiều chiều cạnh với sự tham gia của 16 phụ nữ được chia thành 02 nhóm: Nhóm lao động nhiều tổ chức quốc tế, trong nước, các học giả. Mỗi chiều cạnh công nhân (đại diện cho khu vực chính thức) và nhà kinh tế, xã hội học, chính sách... đều đem đến những góc nhìn mới làm trong khu vực phi chính thức. Những người tiết, cần thiết để hiểu và ứng xử với một hiện tượng phổ biến và song song được giới thiệu bởi mạng lưới của Hội Liên hành cùng lịch sử loài người. Các nghiên cứu cho thấy di cư là hiện tượng Hà Nội. Các thông tin về nghiên cứu và cam kết tự nhiên, có nhiều tác động tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội được thông báo đến những người tham gia hội. Những hệ quả tiêu cực của di cư có thể khắc phục được dựa trên nhóm.

việc trợ giúp người di cư hòa nhập cuộc sống tốt hơn tại nơi đến. **TỔ.3. Phỏng vấn sâu**

giúp xã hội đối với người di cư từ tiếp cận việc làm, nhà ở, nước Do đối tượng nghiên cứu của đề tài là trợ giúp sạch, y tế, giáo dục, các trợ giúp khẩn cấp góp phần nâng cao sự hiểu với lao động nữ di cư nên phỏng vấn sâu được nhập của người di cư nói chung và lao động nữ di cư nói riêng. động nữ di cư, cán bộ chính quyền, đại diện các tổ

các NGOs có liên quan. Cụ thể:

- 12 phỏng vấn sâu lao động nữ di cư. Danh

di cư tham gia phỏng vấn được lập bởi Hội phụ nữ đáp ứng các tiêu chí về tuổi, tình trạng hôn nhân, ng

- 10 cán bộ chính quyền và đoàn thể địa ph

nữ cấp huyện/quận. Đảm bảo độ cân xứng về nông tính cán bộ. Danh sách các cán bộ được tìm kiếm

để phỏng vấn những lao động nữ di cư được phỏng vấn sâu.

- 04 cán bộ các tổ chức phi chính phủ có

giúp lao động nữ di cư.

Các phỏng vấn sâu đều xin phép trước khi

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Các khái niệm công cụ

6 khái niệm công cụ được thao tác nội dung và cách thức sử dụng lao động xã hội, 04 cán bộ hội phụ nữ phường/ trong luận án, từ di cư, phụ nữ di cư, trợ giúp xã hội, dịch vụ xã hội... nữ cấp huyện/quận. Đảm bảo độ cân xứng về nông

2.2. Các lý thuyết ứng dụng

Đề tài sử dụng 04 lý thuyết: Lý thuyết về quyền con người của những lao động nữ di cư được phỏng vấn sâu. Lý thuyết hệ thống, Lý thuyết nhu cầu, Lý thuyết vốn xã hội

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Phân tích tài liệu

Nghiên cứu sử dụng nguồn dữ liệu từ các nghiên cứu quốc tế và trong nước, đặc biệt là các tài liệu của Liên hợp quốc, Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và nhiều nhà nghiên cứu khác trong phần mềm excel.

đặc thù sẽ tiến hành khảo sát 120 phụ nữ. Nhóm phụ nữ đầu tiên 20 đến 29 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất với 45%. Với được tập trung khảo sát tại Quận Hoàng Mai là nơi có nhiều lao động là nhu cầu quan trọng nhất và đó cũng là đơn vị phụ nữ di cư tự do sinh sống và nhóm thứ hai được khảo sát tại huyện. Nơi họ ra đi là nông thôn, vốn không có nhiều Đông Anh, khu vực có nhiều doanh nghiệp, khu công nghiệp, khác biệt là nhóm phụ nữ có trình độ học vấn thấp. chế xuất. Các bảng hỏi thu được sẽ được làm sạch và thống kê bằng Những LĐNDC đến từ khu vực nông thôn phần mềm SPSS 22. Trong 240 phụ nữ được khảo sát, có 45,6% phát họ chưa được đào tạo kỹ năng nên khi tham gia lao động từ 20-29 tuổi, 31,1% từ 30 đến 39 tuổi, 10,8% từ 40 đến 49 tuổi và 10,8% từ 50 đến 59 tuổi và 1,7% trên 60 tuổi. Nhóm trên 60 tuổi hầu như không yêu cầu chuyên môn cao. Ngoài ra họ còn yếu lao động ở khu vực phi chính thức. Độ tuổi trung bình (mean) về kinh tế khi những công việc đó đem lại cho của họ hiện nay là 33,5 tuổi. thấp so với mặt bằng chung và không được pháp lý vấn đề xảy ra.

CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG TIẾP CẬN TRỢ GIÚP XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA LĐNDC TẠI HÀ NỘI

3.1. **Đặc điểm nhân khẩu, kinh tế - xã hội của nhóm lao động nữ di cư tại Hà Nội** Qua khảo sát cho thấy, các công việc mang do chiếm tỷ lệ nhiều nhất với tỷ lệ 32%, sau đó công nhân viên chiếm tỷ lệ 22% và thứ 3 là nhân viên phục vụ là 20%. Nhìn chung có tới 74% LĐNDC làm các công việc

3.1.1. **Lý do di cư của lao động nữ di cư tại Hà Nội trong khảo sát** lao động tay chân, không đòi hỏi về trình độ, kỹ năng. Để hiểu về thực trạng di cư của phụ nữ tại Hà Nội, cần xem xét và phân tích

3.1.1.1. **Lý do di cư của lao động nữ di cư tại Hà Nội trong khảo sát** lao động tay chân, không đòi hỏi về trình độ, kỹ năng. Để hiểu về thực trạng di cư của phụ nữ tại Hà Nội, cần xem xét và phân tích tích các nguyên nhân di cư. Can thiệp chính sách quan trọng và hoạt động trợ giúp hiệu quả cần dựa trên thực tiễn lý do di cư của phụ nữ ở địa bàn thành phố Hà Nội. Thông qua kết quả khảo sát, những lý do khiến phụ nữ di cư được hiểu rõ hơn về bức tranh kinh tế của họ khi sinh sống động nữ di cư đưa ra khá đa dạng. Ba lý do được lựa chọn nhiều nhất đó, khi phân tích về thu nhập của nhóm lao động nữ di cư là kiếm tiền cho gia đình với 64,3%, sau đó là thu nhập ở chỗ mới tốt hơn với 58,9% và kiếm tiền cho bản thân là 50,6%. Nhìn chung, lý do di cư được sống của người di cư với thu nhập hiện tại. mà họ di cư xuất phát từ thu nhập là chủ yếu. Lao động nữ di cư có nguồn thu nhập không

Qua khảo sát cho thấy, các công việc mang tính giản đơn, tự động nhân thì thu nhập đến từ lương là chủ yếu và chiếm tỷ lệ nhiều nhất với tỷ lệ 32%, sau đó là làm công nhân không chuyên môn chiếm tỷ lệ 22% và thứ 3 là nhân viên phục vụ, bán hàng thu nhập chính chiếm tỷ lệ nhiều nhất với 67,6%, s

trợ giúp xã hội của LĐNDC, từ đó ảnh hưởng đến an sinh xã hội điều đầu tiên là phải có thông tin và có năng lực để chất lượng cuộc sống của họ. Đồng thời, sự phát triển của công tác đó trở thành những hành động và các cơ hội cụ thể. hội chuyên nghiệp có thể giúp LĐNDC có thêm công cụ, dịch vụ để đáp ứng các nhu cầu cấp thiết, phòng ngừa các rủi ro trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong các hoàn cảnh đặc biệt như dịch bệnh.

4.2.3. Rào cản từ bản thân lao động nữ di cư

Những rào cản không chỉ đến từ chính quyền hay cộng đồng mà còn đến từ chính bản thân của phụ nữ di cư. Hầu hết họ có trình độ học vấn hạn chế, chưa được đào tạo nghề, mạng lưới xã hội hẹp và đặc biệt là tâm lý mặc cảm do không phải người địa phương. Có tới 86% phụ nữ không tham gia vào đoàn thể xã hội địa phương trong đó lý do thời gian làm việc không phù hợp để tham gia chiếm 63,8% và không phải là người địa phương chiếm 59,9%. Chú ý giải thích không phải là người ở địa phương những phụ nữ ở khu đô thị chiếm tỷ lệ nhiều hơn nông thôn là 3,7% (61,5% so với 57,8%). Theo nhóm nghề nghiệp thì những người làm lao động giản đơn do chiếm tỷ lệ nhiều nhất với 68,2%, sau đó là công nhân thợ máy không yêu cầu chuyên môn với 61,5%. Kết quả phỏng vấn cho thấy mặc cảm công việc và nghĩ mình không phải là người địa phương nên LĐNDC mặc cảm không tham gia các hoạt động tại địa phương các tổ chức tại nơi di cư.

4.2.4. Sự thiếu vắng của hoạt động công tác xã hội

Bên cạnh việc thiếu vắng các chính sách đặc thù thì còn thiếu một thiết chế phù hợp có thể đưa các chính sách trợ giúp xã hội đến với người lao động di cư nói chung và LĐNDC nói riêng. Điều đó làm ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận trợ giúp xã hội của LĐNDC, đó ảnh hưởng đến an sinh xã hội và chất lượng cuộc sống của họ.

CHƯƠNG 5. CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRONG VIỆC GIÚP XÃ HỘI CƠ BẢN DÀNH CHO PHỤ NỮ DI CƯ TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

5.1. Cơ sở đề xuất giải pháp

5.1.1. Thực trạng tiếp cận trợ giúp xã hội của LĐNDC

5.1.2. Tiếp cận trợ giúp xã hội để đảm bảo an sinh xã hội của LĐNDC

5.1.3. Kinh nghiệm quốc tế trong hỗ trợ lao động nữ di cư tiếp cận trợ giúp xã hội cơ bản

5.1.4. Sự phát triển và vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ lao động nữ di cư tiếp cận trợ giúp xã hội cơ bản

5.2. Các giải pháp cụ thể

5.2.1. Từ phía nhà nước

Thứ nhất, cần thay đổi nhận thức về LĐNDC trong cộng đồng xã hội tất yếu cũng như có nhiều tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương: Người di cư nói riêng trong bối cảnh hiện nay nói chung là động lực phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, sự hỗ trợ hay tiếp cận của chính quyền đối với họ là cần thiết.

Thứ hai, cần kết hợp nắm bắt thông tin về LĐNDC và căn cứ công dân của họ thay vì chỉ dựa trên đăng ký tạm trú.

Thứ ba, tăng cường quan tâm, trợ giúp về mặt pháp lý và tài chính cho LĐNDC.

Thứ tư, cần nâng cao năng lực và ý thức của cộng đồng xã hội để hỗ trợ LĐNDC.

Thứ năm, cần có các chương trình, dự án hỗ trợ LĐNDC.

Thứ sáu, cần có các cơ chế, chính sách ưu tiên hỗ trợ LĐNDC.

Thứ bảy, cần có các chương trình, dự án hỗ trợ LĐNDC.

Thứ tám, cần có các cơ chế, chính sách ưu tiên hỗ trợ LĐNDC.

Thứ chín, cần có các chương trình, dự án hỗ trợ LĐNDC.

Thứ mười, cần có các cơ chế, chính sách ưu tiên hỗ trợ LĐNDC.

lại sự công bằng trong tiếp cận giáo dục cho tất cả mọi người. LĐNDC có những vấn đề đặc thù.

Thứ tư, nâng cao dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho lao động nữ di cư ngay tại địa phương phù hợp với đặc thù công việc và đời sống của họ.

Thứ năm, chính quyền Hà Nội và các tỉnh có người nhập cư cần cung cấp thông tin chính sách cư trú đầy đủ tới người dân, đặc biệt là người nhập cư

Thứ sáu, cần có các chính sách, hoạt động tăng cường hỗ trợ lao động nữ di cư về đào tạo nghề, việc làm.

5.2.2 Từ phía LĐNDC

Hiện LĐNDC đang chịu nhiều tác động từ mạng lưới xã hội, từ lý do di cư, đến lựa chọn nơi cư trú, các hoạt động hỗ trợ xã hội. Điều đáng chú ý là mạng lưới xã hội của họ có cụm chủ yếu xoay quanh bạn bè người thân và những người đồng hương. Điều đó làm cho việc hòa nhập tại nơi ở chính thức và tiếp cận các thông tin, những hỗ trợ trong cuộc sống bị hạn chế. Để khắc phục những điều đó.

Cần khuyến khích lao động nữ di cư tham gia vào các hoạt động tập thể chung tại địa phương.

Cần khuyến khích và tạo điều kiện tham gia vào các hội nhóm địa phương từ đó lao động nữ di cư mở rộng được mạng lưới xã hội.

5.2.3. Phát triển các dịch vụ CTXH để hỗ trợ LĐNDC tiếp cận các trợ giúp xã hội

- Truyền thông, nâng cao nhận thức của cộng đồng về di cư nhận diện di cư như một hiện tượng xã hội tích cực.

- Thúc đẩy chính quyền và các bên liên quan phát triển các nguồn lực, dịch vụ dành cho LĐNDC và gia đình có thể tiếp cận Nhà ở xã hội, các dịch vụ giáo dục, y tế.

- Biện hộ quyền của LĐNDC trong tiếp cận nhà ở, việc làm

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Kết luận

Di cư nội địa là một hiện tượng tất yếu tại c nay dù nơi đến là đô thị hay nông thôn thì thu nhập độ tuổi của LĐNDC tập trung từ 20-39 và hầu hết họ đã lập gia đình. Thông q cứu, có thể thấy:

Về chân dung xã hội, LĐNDC chủ yếu là r tìm kiếm việc làm và nâng cao thu nhập. Hiện nay các công việc giản đơn, lao động tay chân và các công việc nặng nhọc chiếm nhiều về trình độ đào tạo hoặc kỹ năng. Và hầu hết bản thân họ tự tìm kiếm, chỉ có một phần nhỏ có xóm, bạn bè giới thiệu. Với mức thu nhập cao hơn

Hiện cơ hội, LĐNDC mong muốn ổn định cuộc sống Đối với tiếp cận trợ giúp xã hội cơ bản

Hiện cứu có điều kiện nhà ở chưa được tốt; chi p cao; việc học nghề của bản thân còn hạn chế; tiếp cận cái còn chịu khó khăn khi xin học vào các trư thông trung học. Các trợ giúp đột xuất thi khả n LĐNDC hạn chế, chủ yếu phụ thuộc vào cách diễn ; thực thi của cán bộ địa phương.

Rào cản khiến cho tiếp cận trợ giúp xã hội LĐNDC hạn chế đến từ nhiều phía. Về phía chính của một số cán bộ coi di cư là tiêu cực, cách thức q khẩu và chưa chú ý đúng mức đến LĐNDC và ngườ

Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra, khác biệt giữa nhóm Thứ tư, các hỗ trợ giáo dục cho LĐNDC cả LĐNDC ở khu vực phi chính thức và khu vực chính thức. LĐNDC hơn nữa. Chính quyền có thể phối kết hợp cùng cả khu vực phi chính thức có đời sống thấp hơn, tiếp cận trợ giúp xã hội khóa đào tạo dựa trên nhu cầu của LĐNDC. nghèo nàn hơn, chịu nhiều rủi ro và ít khả năng ứng phó đối với các chính sách phù hợp để con cái của những LĐNDC vấn đề xã hội như COVID-19. Nguyên nhân chính đến từ tính khác biệt là khối THPT ở đô thị để có thể vào học tiếp công việc và tính chất vốn xã hội của hai nhóm LĐNDC. Do đó, cần nơi đến nên vô hình chung có nhiều con em có các chương trình can thiệp đối với từng nhóm để phù hợp với vận chuyển trở lại về quê học. đề và nhu cầu đặc thù.

Cuối cùng, qua nghiên cứu LĐNDC tại thành phố Hà Nội nói chung và các giải pháp nâng cao hiệu quả tiếp cận trợ giúp xã hội tuy nhiên đặc thù giới như đặc điểm cá nhân, gia đình bản dành cho LĐNDC cần đến từ ba phía: Chính quyền, LĐNDC động lớn và ảnh hưởng tới toàn bộ quá trình LĐNDC các trung tâm CTXH và tổ chức đoàn thể. Trong đó, Hội LHPN sống ở nơi đến và nơi đi. Do vậy, khi thiết kế các trợ giúp cấp có thể là đơn vị triển khai các chương trình hỗ trợ cụ thể để nâng cao công tác xã hội và trong quá trình hoạch định chính sách cao trình độ, tiếp cận thông tin, phát triển mạng lưới của LĐNDC đặc thù giới cần luôn luôn được cân nhắc, xem xét để hướng đến cuộc sống với chất lượng cao hơn. giúp này cũng như các chính sách của nhà nước hướng

2. Khuyến nghị

Thứ nhất, luồng di cư đến thành phố Hà Nội nói chung và các di cư nói chung và LĐNDC nói riêng mới thụ hưởng đi thành phố lớn khác ở nước nói riêng không còn đơn thuần là di cư nông thôn và chính sách một cách tối đa. Đối với LĐNDC ở khu vực phi chính thức, các thôn – đô thị, thay vào đó có thể là di cư từ nông thôn – nông thôn, nông thôn hay đô thị chỉ còn được xác định trên mặt thủ tục hành chính. Yếu tố đột xuất, hỗ trợ kết nối cộng đồng, hỗ trợ tham gia khiến họ quyết định di cư là việc làm và thu nhập vì thế chính quyền địa phương, hỗ trợ con cái tiếp cận giáo dục bình đẳng là phương cần phải nắm bắt được và có những chính sách kịp thời để hỗ trợ quan trọng. Đối với LĐNDC làm công nhân, cần hỗ trợ họ hòa nhập môi trường mới nhanh chóng, nhất là những địa phương nghèo, đào tạo lại để phòng ngừa nguy cơ bị sa thải sau các mô hình hỗ trợ thông tin, học nghề và chuyển đổi

Thứ hai, người di cư nói chung và LĐNDC nói riêng đang nhóm lao động trẻ, nhiều cơ hội phát triển. gặp phải khó khăn khi tiếp cận các dịch vụ xã hội, chính sách an sinh xã hội do những điều kiện hộ khẩu, đăng ký cư trú. Thế nên cần phải thay đổi điều kiện về hộ khẩu hay đăng ký cư trú như là một điều

1. Nguyễn Thanh Cẩm, “Employment Status of Migrant Women in Hanoi, Vietnam”, *International Journal of Advanced Research*, ISSN: 23205407, pp. 321-327.
2. Nguyễn Thanh Cẩm, “Current Situation of Migrant Female Workers’ Access to Education and Health Care in Hanoi”, *American Research Journal of Humanities & Social Science*, E-ISSN: 2378-702X, pp. 90-97.
3. Nguyễn Thanh Cẩm, “Barriers to accessing social assistance for female migrant workers in Hanoi”, *International Scientific Conference Proceedings: Social security policy for migrant workers in Vietnam*, Trade Union University, Vietnam General Confederation of Labour, ISBN: 978-604-330-767-2, pp. 83-94.
4. Nguyễn Thanh Cẩm, “Access to emergency assistance for migrant female workers in Hanoi during the COVID-19 pandemic”, *International Scientific Conference Proceedings: Developing Social Work with Workers in Vietnam – Pioneering in social welfare and employment policies*, Trade Union University, Vietnam General Confederation of labour, ISBN: 978-604-946-719-6, pp.137-146.